

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

ngày 20/5/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phương Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Anh.

Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Khắc Thông - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu phố G, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh Bùi Xuân H, sinh năm 1977, địa chỉ: Khu phố G, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2024, biên bản hòa giải ngày 06/3/2024, biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2024 và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Năm 2021, chị Lê Thị N và anh Bùi Xuân Hải đăng k kết hôn tại UBND phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ

chồng về ở chung với nhà bố mẹ chồng, tại khu phố G, phường C, thị xã Q. Trong cuộc sống, vợ chồng không hợp tính nhau thường hay mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Anh Bùi Xuân H không có việc làm ổn định, không chịu khó làm ăn, lo toan cuộc sống mà ham chơi cờ bạc, lơ đãng làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Anh H cũng hay rượu chè rồi về gây gỗ vợ con làm cho chị trong tâm trạng lo sợ, hoảng loạn tinh thần trong cuộc sống. Anh H không tôn trọng vợ con mà còn đối xử nặng lời làm phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng không yêu thương, không quan tâm đến nhau, nên mục đích hôn nhân không đạt. Từ đó, cuối tháng 12/2023 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không có quan hệ tình cảm gì nữa, chị Lê Thị N đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, không thể sống với nhau được nữa, chị Lê Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Xuân H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Bùi Thiên N1, sinh ngày 15/10/2021. Ly hôn, chị Lê Thị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bùi Thiên N1 và không yêu cầu anh Bùi Xuân H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2024, bị đơn anh Bùi Xuân H trình bày: Vợ chồng anh có đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Trong cuộc sống, vợ chồng có cãi vã, đôi co với nhau, nay đã sống ly thân nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn chị N bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Bùi Thiên N1, sinh ngày 15/10/2021. Ly hôn, anh Bùi Thanh H1 có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bùi Thiên N1 và không yêu cầu chị Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Bùi Xuân H.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thiên N1, sinh ngày 15/10/2021 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Vợ chồng chị Lê Thị N và anh Bùi Xuân H quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Ngày 09/01/2024, chị Lê Thị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Xuân H cư trú tại khu phố G, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, là quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị (Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2024.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Bùi Xuân H có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay, quá trình đó, vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì nữa. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn

gắn được. Tòa án đã ra thông báo hòa giải (lần 2) ngày 10/4/2024, nhưng anh Bùi Xuân H vẫn không đến để tham gia hòa giải, chứng tỏ anh H không có thiện chí để đoàn tụ gia đình, chăm lo ổn định cuộc sống và học tập cho con cái. Tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N là có cơ sở, cần chấp nhận (*Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình*).

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Bùi Thiên N1, sinh ngày 15/10/2021. Tại phiên hòa giải ngày 06/3/2024, chị Lê Thị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bùi Thiên N1 và không yêu cầu anh Bùi Xuân H cấp dưỡng nuôi con. Anh Bùi Xuân H cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Bùi Thiên N1 và không yêu cầu chị Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại cháu Bùi Thiên N1, sinh ngày 15/10/2021 chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang ở với chị Lê Thị N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy chị Lê Thị N có đủ khả năng điều kiện trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, đủ điều kiện cho con được học tập, phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Nguyện vọng của chị N về nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và giải quyết giao cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bùi Thiên N1, sinh ngày 15/10/2021. Anh Bùi Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N ly hôn anh Bùi Xuân H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Bùi Thiên N1, sinh ngày 15/10/2021 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000028 ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Phương Tiến**